

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3836** /NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày **17** tháng 11 năm 2025

V/v báo giá Cung cấp vật tư, thiết bị đo lường điều khiển, thiết bị điện phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên năm 2026 (lần 2)

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Cung cấp vật tư, thiết bị đo lường điều khiển, thiết bị điện phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên năm 2026 (lần 2)**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.
- Hiệu lực của báo giá: 120 ngày kể từ ngày báo giá.
- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Khu Đông Sơn - phường Bình Khê - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày **21/11/2025**.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 3836 /NĐĐT-KHVT ngày 17/11/2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Cần đánh lửa	Mã hiệu: XZD-4800 (L=4800, Ø18, 2500VDC) của nhà sản xuất Xuzhou Kerong Environmental Resources Co., Ltd		Cái	6,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
2	Aptomat	Mã hiệu: 3RV1011-1DA12, dòng chỉnh định 2.2-3.2A, của nhà sản xuất Siemens		Cái	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
3	Aptomat	Mã hiệu: GV2P08 (gồm tiếp điểm phụ NO + NC) của nhà sản xuất Schneider		Cái	6,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
4	Aptomat 3 pha	Mã hiệu: GV2P10 (4-6.3A) kèm tiếp điểm phụ NO+NC EZC100H3 100 100A 30kA 3P		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
5	Aptomat ba pha KFC-100M/3300, 40A	Mã hiệu: KFC-100M/3300; 40A của nhà sản xuất Jiangsu Daqo Kfine Switch Co.,Ltd		Cái	9,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
6	Aptomat ba pha KFM2-100M/1250, 25A	Mã hiệu: KFM2-100M/1250; 25A của nhà sản xuất Jiangsu Daqo Kfine Switch Co.,Ltd		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
7	Aptomat ba pha KFM2-100M/320, 32A	Mã hiệu: KFM2-100M/320; 32A của nhà sản xuất Jiangsu Daqo Kfine Switch Co.,Ltd		Cái	5,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
8	Aptomat ba pha KFM2- 250M/1250, 125A	Mã hiệu: KFM2-250M/1250; 125A của nhà sản xuất Jiangsu Daqo Kfine Switch Co.,Ltd		Cái	8,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
9	Aptomat ba pha schneider, 100A	Mã hiệu: EZC100H3100 100A 30kA 3P EZC100H3100 100A 30kA 3P		Cái	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
10	Aptomat ba pha schneider, 100A	Mã hiệu: KFM2-250M/1250; 100A của nhà sản xuất Jiangsu Daqo Kfine Switch Co.,Ltd		Cái	5,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
11	Bình ắc quy	Mã hiệu: N200 (12V-200Ah) của nhà sản xuất Đồng Nai		Bình	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
12	Bình ắc quy	Mã hiệu: HZY2-150; 2V; 1500Ah của nhà sản xuất Haze		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
13	Bình ắc quy	Mã hiệu: HZB12-120 (12V-119Ah) của nhà sản xuất Haze		Bình	34,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
14	Bộ chia khí	Mã hiệu: A1011 của nhà sản xuất Clyde Huatong (Beijing) Materials Handling Co., Ltd		Bộ	5,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
15	Bộ chia khí + cuộn hút	Bộ chia khí + cuộn hút SY7120- 4DZ-02-0,15-0,7 Mpa (1 bộ bao gồm 4 cái chia khí + 4 cuộn hút)		Bộ	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
16	Bộ chia khí 54292023	Mã hiệu: 54292023 P.max=12bar T.max= 60 oC của nhà sản xuất Asco Joucomatic Co., Ltd		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
17	Bộ chuyển đổi áp suất	Mã hiệu: 39877618 (Dải đo - 29.921÷0 INHG) của hãng sản xuất		Cái	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Ingersoll Rand							
18	Bộ chuyển đổi nguồn AC/DC điều khiển máy cắt	Thông số kỹ thuật: Input: AC230V hoặc DC 110- 220V; Output: 28V/0.4A (A,B)		Bộ	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
19	Bộ chuyển đổi Profibus - DP	Mã hiệu: FM1202 của nhà sản xuất: Hollysys		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
20	Bộ chuyển đổi quang	Mã hiệu: MC210FT của nhà sản xuất: TSC		Cái	17,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
21	Bộ điều khiển hành trình	Mã hiệu: DVC2000; 30mADC 30VDC 100PSI MAX của nhà sản xuất Fisher		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
22	Bộ điều khiển hành trình van	Mã hiệu: YT-2500, LSN2221F (Non-Explosion; 4~20mA DC; 0,14~0,7MPa) của nhà sản xuất Rotork YTC		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
23	Bộ điều khiển lập trình	Mã hiệu: Logo 230RCEo ED1052-2FB08-0BA1 của nhà sản xuất Siemens		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
24	Bộ giám sát độ ẩm	Mã hiệu XGKF-3220 (1W1S) của hãng sản xuất SHAANXI KEFEI ELECTRONICS CO., LTD		Bộ	5,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
25	Bộ giám sát nhiệt độ	Mã hiệu: XMTE 3002 của hãng sản xuất Yuyao Jindian Instrument Co., Ltd		Bộ	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
26	Bộ hiển thị trạng thái máy	Mã hiệu: XJ-SSD-II-D của nhà sản xuất Jiangying ChuangJie Electrical		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	cắt	Equipment Co., Ltd							
27	Bộ hút ẩm máy biến áp	Mã hiệu: XS1-0,5 của nhà sản xuất HeJian Yawei Electric Manufacturing Co.,Ltd		Bộ	5,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
28	Bơm nhu động	Mã hiệu: N86KNE; Điện áp: 230 VAC; Tần số: 50 Hz; Dòng điện: 0,65A; Pmax: 2,4 bar của nhà sản xuất KNF		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
29	Can nhiệt 10m	- Mã hiệu: M-14862-01 (dải đo 0- 1200oC) của nhà sản xuất Yamari		Cái	40,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
30	Cầu chì	Kích thước: 5x20mm; 2A		Cái	10,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
31	Cầu chì	Kích thước: 5x20mm 4A		Cái	10,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
32	Cầu chì 250A; 7,2kV	Mã hiệu: XRNМ 7,2kV/250A-50kA của nhà sản xuất Wuzhong instrument Co.,Ltd		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
33	Cầu chì ống 10A, 400V, ø10x38	Kích thước: ø10x38		Cái	15,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
34	Cầu chì ống 16A, 400V, ø10x38	Kích thước: ø10x38		Cái	15,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
35	Cầu chì ống 2A, 400V, ø10x38	Kích thước: ø10x38		Cái	15,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
36	Cầu chì ống	Kích thước: ø10x38		Cái	15,0	45 ngày kể từ ngày có			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	32A, 400V, ø10x38					thông báo cấp hàng			
37	Cầu chì ống 6A, 400V, ø10x38	Kích thước: ø10x38		Cái	15,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
38	Cầu chì ống 8A, 400V, ø10x38	Kích thước: ø10x38		Cái	15,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
39	Cầu dao tự động	Mã hiệu: EZ9F34310 của nhà sản xuất Schneider		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
40	Chốt tác động	- Chốt dùng cho loại máy cắt 0,4kV mã hiệu KFW2-3200 của nhà sản xuất Shanghai Qiantuo Co.,Ltd		Cái	20,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
41	Công tắc chuyển mạch hai vị trí	Loại: LA39 2NO, 2NC		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
42	Công tắc tơ	Mã hiệu: LC1D38/110 VAC của nhà sản xuất Schneider		Cái	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
43	Đèn hiển thị (màu xanh - đỏ)	Loại: XJD-22/21-9GZ 220V (màu xanh - đỏ)		Cái	9,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
44	Giấy phản quang	Mã hiệu: A29466-1 của nhà sản xuất Shenyang Stock Electric Power Equipment Co., Ltd		Cái	8,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
45	Khóa chuyển mạch (on-off hoặc remode- local)	Loại: LA39		Cái	15,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
46	Khởi động từ	Mã hiệu: LC1D 95 của nhà sản xuất Schneider		Cái	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
47	Khởi động từ	Mã hiệu: LC1D 50 của nhà sản xuất Schneider		Cái	8,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
48	Khởi động từ	Mã hiệu: LC1D 32 của nhà sản xuất Schneider		Cái	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
49	Khởi động từ	Mã hiệu: LC1D 12 của nhà sản xuất Schneider		Cái	4,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
50	Khởi động từ	Mã hiệu: LC1D 09 của nhà sản xuất Schneider		Cái	6,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
51	Loadcell	Mã hiệu: SSM-EV-100 (Capacity: 100lbf) của nhà sản xuất Stock		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
52	Máy cắt KFW2-1600	Mã hiệu: KFW2-1600; In:800A; f:50Hz; Ue: AC415V; Icu: 65kA; Ics: 50kA; Iew: 42kA(1s); Uimp:12kV của nhà sản xuất Daqo Kfine		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
53	Modul chia dòng	Mã hiệu: NPPD-C111DFK; (Load: 0+500Ω; In: 4-20mA) của nhà sản xuất New Power Electric		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
54	Modul chia dòng	Mã hiệu: NPGL-C111DFK; (In: 4- 20mA) của nhà sản xuất: New Power Electric		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
55	Modul điều khiển chỉnh SM203	Mã hiệu: SM203 của nhà sản xuất Hollysys (tương thích với phần mềm DCS MACS V5.2.3 của hãng Hollysys chạy trên Hệ điều hành		Cái	6,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Windows XP SP3)							
56	Modul tín hiệu vào SM432	Mã hiệu: SM432 của nhà sản xuất Hollysys (tương thích với phần mềm DCS MACS V5.2.3 của hãng Hollysys chạy trên Hệ điều hành Windows XP SP3)		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
57	Modul truyền thông BMS	Mã hiệu: IC697CMM711 của nhà sản xuất GE		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
58	Module RTD/TC	Mã hiệu: FM185 của sản xuất: Hollysys		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
59	Mô đun cấp nguồn 230VAC/28VD C, 0,4A	Mô đun cấp nguồn Input: AC230 hoặc DC 110- 220V Output: 28V/0.4A (A,B) của nhà sản xuất Jiangsu Daqo Kfine Electric Co.,Ltd		Cái	6,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
60	Nút ấn close	Loại: XJA-22/203		Cái	30,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
61	Quạt làm mát	Mã hiệu: KA1238 HA2 (220-240V; 50/60Hz; 0,12/0,1A; kích thước 120x120x38mm) của nhà sản xuất KAKU		Cái	10,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
62	Quạt làm mát	Mã hiệu: FP-108 EX-S1-B, AC 220V/240V, 50 Hz, 0,22A 38W của nhà sản xuất common wealth industrial corporation		Bộ	6,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
63	Relay nhiệt 13- 18A	Mã hiệu: GV2-ME20C/13-18A của nhà sản xuất Schneider		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
64	Relay nhiệt 20-	Mã hiệu: KFRZ 20-32A của nhà sản		Cái	6,0	45 ngày kể từ ngày có			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	32A	xuất Jiangsu Daqo Kfine Switch Co.,Ltd				thông báo cấp hàng			
65	Relay nhiệt 55-70A	Mã hiệu: LRD 3361 của nhà sản xuất Schneider		Cái	3,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
66	Rơ le kỹ thuật số Model: CSC-237	Rơ le bảo vệ động cơ 6,6kV: Mã hiệu: CSC 237A Dải đầu vào: - Điện áp DC: 220VDC - Điện áp pha: 100V - Điện áp tam giác hờ: 300V - Dòng điện AC: 1A/5A - Tần số: 50Hz Dải làm việc: - Điện áp pha: 0.2-70V - Điện áp tam giác hờ: 3V-300V - Dòng điện: 0.08In-20In (Theo giá trị định mức của CT) Kết nối truyền thông: - RS485 - Analog: 4-20mA - Ngôn ngữ: Tiếng Anh Hãng Beijing Sifang Automation		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
67	Rơ le kỹ thuật số Model: CSC-237	Rơ le bảo vệ động cơ 6,6kV: Mã hiệu: CSC 237A Dải đầu vào: - Điện áp DC: 220VDC - Điện áp pha: 100V		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		- Điện áp tam giác hở: 300V - Dòng điện AC: 1A/5A - Tần số: 50Hz Dải làm việc: - Điện áp pha: 0.2-70V - Điện áp tam giác hở: 3V-300V - Dòng điện: 0.08In-20In (Theo giá trị định mức của CT) Kết nối truyền thông: - RS485 - Analog: 4-20mA - Ngôn ngữ: Tiếng Anh Hãng Beijing Sifang Automation							
68	Rơ le kỹ thuật số Model: CSC-241C	Rơ le kỹ thuật số Model: CSC-241C bảo vệ động cơ 6,6kV: Mã hiệu: CSC 237A Dải đầu vào: - Điện áp DC: 220VDC - Điện áp pha: 100V - Điện áp tam giác hở: 300V - Dòng điện AC: 1A/5A - Tần số: 50Hz Dải làm việc: - Điện áp pha: 0.2-70V - Điện áp tam giác hở: 3V-300V - Dòng điện: 0.08In-20In (Theo giá trị định mức của CT)		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Kết nối truyền thông: - RS485 - Analog: 4-20mA - Ngôn ngữ: Tiếng Anh Hãng Beijing Sifang Automation							
69	Rơ le kỹ thuật số Model: CSC-241C	Rơ le kỹ thuật số Model: CSC-241C bảo vệ động cơ 6,6kV: Mã hiệu: CSC 237A Dải đầu vào: - Điện áp DC: 220VDC - Điện áp pha: 100V - Điện áp tam giác hở: 300V - Dòng điện AC: 1A/5A - Tần số: 50Hz Dải làm việc: - Điện áp pha: 0.2-70V - Điện áp tam giác hở: 3V-300V - Dòng điện: 0.08In-20In (Theo giá trị định mức của CT) Kết nối truyền thông: - RS485 - Analog: 4-20mA - Ngôn ngữ: Tiếng Anh Hãng Beijing Sifang Automation		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
70	Rơ le nhiệt 80- 104A	Mã hiệu: LRD 3365; (80-104A) của nhà sản xuất Schneider		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
71	Rơ le nhiệt 7-	Mã hiệu: LRD 14 (7-10A) của nhà		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	10A	sản xuất Schneider				thông báo cấp hàng			
72	Rơ le nhiệt 9-13A	Mã hiệu: LRD 16 (9-13A) của nhà sản xuất Schneider		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
73	Rơ le nhiệt 12-18A	Mã hiệu: LRD 21 (12-18A) của nhà sản xuất Schneider		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
74	Rơ le nhiệt 16-24A	Mã hiệu: LRD 22 (16-24A) của nhà sản xuất Schneider		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
75	Rơ le nhiệt 30-40A	Mã hiệu: LRD 340 (30-40A) của nhà sản xuất Schneider		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
76	Rơ le nhiệt 37-50A	Mã hiệu: LRD 350 (37-50A) của nhà sản xuất Schneider		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
77	Switch giới hạn	Mã hiệu: 0820400001 (Pmax: 10bar) của nhà sản xuất Aventics		Bộ	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
78	Tay bấm điều khiển 6 nút	Mã hiệu: HY-1029 của nhà sản xuất Hanyoung		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
79	Thanh sấy 3.7kW	Công suất: 3.7kW-220VAC φ20x1200mm		Cái	9,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
80	Thyristor	Mã hiệu: MTC 500-12 của nhà sản xuất Techsem (Bao gồm keo tản nhiệt)		Bộ	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
81	Tiếp điểm phụ LADN31	- Tiếp điểm phụ mã hiệu LADN31 của hãng Schneider		Cái	1,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
82	Van điện từ	Mã hiệu: EV61-521MJ1 (Press 2-10bar; 30-145psi) của nhà sản xuất Max-Air Technology		Cái	2,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			
83	Van điện từ 54292023	Mã hiệu: 54292023; Pmax=12bar; Tmax=60 độ C của nhà sản xuất:		Bộ	5,0	45 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng			

ST T	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Asco Joucomatic Co.,Ltd							
	Tổng								
	Thuế GTGT								
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)								
	Bảng chữ:								

Ghi chú:

(*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.